

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày 07 - 01 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc.

2. Ông Võ Hùng Em.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông: Bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 293/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024, về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Phạm Thị Bảo T, sinh năm: 1997.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: anh Nguyễn Hoài T1, sinh năm: 2001.

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Thanh vắng M lần 02 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn ngày 01/10/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Bảo T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2019, đến năm 2022 đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Theo giấy chứng nhận

kết hôn số: 30, ngày 08/04/2022 tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống cãi vã nhau thường xuyên, anh chị đã ly thân từ tháng 11/2023 đến nay, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được. Nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, chị T và anh T1 có một con chung Nguyễn Bảo H, sinh ngày 03/01/2021. Khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi dưỡng cháu Bảo H, hiện cháu Bảo H đang sống với chị T. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Nguyễn Hoài T1 đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do và đến nay không có văn bản ý kiến nộp (gửi) cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng trình tự theo quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh T1. Về con chung chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh T1 không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không có văn bản ý kiến thay đổi yêu cầu, vẫn giữ nguyên yêu cầu tại các buổi hòa giải. Đối với bị đơn đến nay không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn xin ly hôn với anh T1, trú tại: xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Phiên tòa hôm nay anh T1 vắng mặt lần thứ 02 không lý do. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị T xin ly hôn với anh T1, con chung yêu cầu được nuôi, tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân, chị T và anh T1 kết hôn vào năm 2019, đăng ký kết hôn năm 2022. Trong quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Trước đây và cũng như tại phiên hòa giải chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1. Đối với anh T1 không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án, phiên tòa hôm nay anh T1 không có mặt và cũng không đến Tòa án theo các lần triệu tập hòa giải, xét xử nên Hội đồng xét xử không thể hòa giải đoàn tụ cho anh chị. Điều đó chứng minh anh T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị T. Xét thấy hôn nhân giữa vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa anh chị đã ly thân từ tháng 11 năm 2022 đến nay mà không tự hàn gắn được nên xét yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1 là hoàn toàn chính đáng, phù hợp. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh T1.

Về con chung: Trong thời gian sống chung chị T và anh T1 có 01 đứa con chung tên Bảo H, hiện cháu H đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi con chung. Đối với anh T1 đến nay không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án. Xét thấy từ khi anh chị ly thân đến nay cháu H đang sống với chị T, hơn nữa cháu H hiện còn rất nhỏ cần có sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn, để đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng sau này nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T, T được tiếp tục nuôi cháu H là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Tại các buổi hòa giải chị T khẳng định tài sản chung không có, anh T1 không có văn bản ý kiến về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp tài sản chung giữa chị T và anh T1 sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

Về nợ chung: Tại các buổi hòa giải chị T khẳng định không có nợ chung, anh T1 không có văn bản ý kiến về nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp nợ chung giữa chị T và anh T1 sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nội dung và diễn biến của vụ án nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị T chịu án phí ly hôn số tiền 300.000đ. Anh T1 không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UB TVQH14 ngày 30/12/2016 nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/- Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Bảo T được ly hôn với anh Nguyễn Hoài T1.

2/- Về quan hệ con chung:

- Chị Phạm Thị Bảo T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Bảo H, sinh ngày 03/01/2021, hiện cháu H đang sống với chị Phạm Thị Bảo T.

Anh Nguyễn Hoài T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

3/- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét giải quyết.

4/- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

5/- Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

6/- Về án phí:

- Chị Phạm Thị Bảo T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Nhưng được trừ vào toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011776 ngày 01 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Như vậy chị T đã nộp đủ.

- Anh Nguyễn Hoài T1 không phải chịu tiền án phí ly hôn.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T.Đồng Tháp;
- VKSND H.Tam Nông;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Thị Đông Cúc

